TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **49**/2018/QĐST-HNGĐ	*Ba Đình, ngày 01 tháng 02 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2018/TLST – HN&GĐ ngày 17 tháng 01 năm 2018 giữa:

1. *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Nguyệt N**, sinh năm 1989; Đăng ký hộ khẩu: số 12, ngõ 42 phố T, phường T, quận B, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: số 8, ngõ 235 Y, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội.

2. *Bị đơn*: Anh **Đỗ Tuấn H**, sinh năm 1985; Đăng ký hộ khẩu và cư trú: số 12, ngõ 42, phố T, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, Điều 55, Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Chị Nguyễn Thị Nguyệt N và Anh Đỗ Tuấn H có đăng ký kết hôn vào ngày 27 tháng 11 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận B, thành phố Hà Nội (số 136/2015; Quyển số 01/2015).

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị **Nguyễn Thị Nguyệt N** và Anh **Đỗ Tuấn H**

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về con chung**:

Giao con chung là cháu **Đỗ Thùy D**, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2016 cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh H đóng góp tiền nuôi con chung là 2.500.000 (Hai triệu năm trăm) đồng/ tháng. Thời gian đóng góp kể từ tháng 02/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh Đỗ Tuấn H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

* **Về tài sản chung và nhà ở**:

Vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung và nhà ở nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

- Về các khoản vay nợ: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

* **Về án phí sơ thẩm**: Chị N tự nguyện chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng án phí, được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp. Chị N được trả lại 150.000 đồng theo biên lai thu số **8001** ngày 17 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận B;*
- *Chi cục THA dân sự quận B;*
- *UBND phường T, quận B, thành phố Hà Nội;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Long